

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 179

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

SỐ 2034
(QUYỂN 1 → 15)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2034

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

Soạn giả: Phí Trường Phòng Đồi Tù

QUYỂN 1

(Qua hai thời đại Chu-Tần)

Nói về niên đại các đời vua trước, là thuật lại việc Đức Như Lai thác sinh ngày nước Thân độc. Bấy giờ đang là triều Cơ, ở châu đang này.

Niên đại càng xa đời người càng sai lệch mới cũ so le nhau, chỉ ra mà nói thì trước sau càng mờ mịt. Nay trước hết trên thì lấy năm Giáp Tý làm chuẩn mực xưa nay, dưới thì lấy các niên đại nối tiếp của các vua làm giếng mối. Biết bao việc giao chức nhường ngôi hoặc chiếm đoạt làm bá chủ thì rõ ràng như gương trước mắt, cũng như việc thay chức đổi ngôi, mua bán triều đại, khác nào đường chỉ trên bàn tay. Sau đó mới xét qua các thi ân báo oán về phủ dụ và vận mệnh của các vua chúa, từng lúc thích hợp với sự truyền bá giáo hóa, tùy cơ độ người của Phật pháp. Kinh Phật cùng sách Khổng nghĩa lý đã cùng ngâm hợp nhau. Có thể gọi là Linh thần giáng khắp năm trời, điềm lành thông suốt cả chín châu vậy!

Bà thứ phi mẹ Cơ Xương nằm mộng thấy bậc Đại nhân, do đó cảm sinh ra một Xương. Thật là mặt rồng mày cọp, thân cao một trượng, ngực có bốn vú. Bờ cõi đến cả Tây nhưng, quyền chính trùm khắp Đông tiệp. Chim Tước đỏ đến châu, cãi xưng là nhà Chu. Tên thụy là Văn Vương. Đóng đô ở đất Phong, trâu lợm chôn cất xương khô, thiên hạ đều quy phục. Cho nên đức Khổng Phu tử nói rằng: “Đức của Văn Vương đẹp thay, không cần động binh mà cảm hóa được tất cả”. Đến

người con của ông là Võ Vương tên Phát, đem quân phạt vua Trụ, rồi dời đô về Cảo kinh, đến giữa đường gặp một người bị trúng nạng liền xuống xe mà quạt, vua tự coi thường địa vị muôn xe mà hết lòng thương yêu cả triệu dân. Cho nên ông Tôn Khanh cho rằng Võ Vương khi sinh ra một thì cả thiên hạ đều mừng vui ca hát, khi Võ Vương chết thì cả bốn biển đều buồn khóc.

Đến đời thứ mười chín, đời chúa Trang Vương tên Tha, ngày năm thứ mười, ngang với thời Xuân Thu, đời Lỗ Trang Công năm thứ bảy, mùa hạ tháng tư năm Tân Mão, đêm ấy không thấy sao Hằng chiếu sáng nữa. Đến giữa khuya thì các sao sa xuống như mưa. Xét ra đó là lúc Đức Như Lai đản sinh ở vương cung.

Các bậc Hiền đức thời xưa suy ra năm sinh của Phật có sự soát nhau.

- Nếu căn cứ ngày Pháp Hiền truyện mà suy ra năm Phật sinh thì ngang với thời nhà Ân, năm Giáp Ngọ, niên hiệu Võ Ất thứ hai mươi sáu. Đến nay là năm Đinh Ty, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy thì đã cách năm sinh là 1681 năm.

- Nếu căn cứ ngày bộ “Sa-môn Pháp Thượng Đáp Cao Cú Ly Quốc Vấn” thì lúc đó là thời Tiền Chu, vua Chiêu, vương tà năm thứ hai mươi bốn giáp dần đến năm Đinh Ty thì cách năm Phật sinh là 1486 năm. Trích dẫn Mục Thiên Tử Biệt truyện để làm chứng thì khi, truyền ngôi cho con là Hạ Tử tên Mãn Mục Vương nghe Phật sinh ở thành Ca Duy bèn đi qua Ấn Độ sau đó không thấy trở về.

- Căn cứ ngày Tượng Chánh Ký thì lúc đó ngang thời Tiền Chu thứ mười bảy Bình Vương, Nghi Cửu năm thứ bốn mươi tám mậu ngọ, đến năm Đinh Ty này thì cách năm Phật sinh là 1323 năm.

- Căn cứ ngày đời Hậu Chu, ngài Sa-môn Thích Đạo An xét quyển La-thập niên kỷ và bài Thạch Trụ Minh, thì lúc đó là thời Tiền Chu vua thứ mười tám, Hoàn Vương Lâm thứ năm ất sửu, đến năm Đinh Ty này thì cách năm Phật sinh là 1225 năm.

- Căn cứ ngày Triệu Bách Lâm Vương, năm đầu niên hiệu Đại Đồng, ở Lô Sơn gặp được Hoàng Độ Luật sư xét theo quyển “Phật Diệt Độ Hậu Chúng Thánh Điểm Ký” thì lúc đó là thời Tiền Chu, vua thứ hai mươi chín Trinh Định vương lượng năm thứ hai Giáp Tuất, đến năm Đinh Ty này thì cách năm Phật sinh là 1611 năm, chỉ có thời này là gần nhất.

Căn cứ ngày ba Tạng giáo và Thiện Kiến Luật có nói: “Vì sao Đức Phật không độ người nữ? Vì phép Kính pháp vậy. Vì chánh pháp có

một ngàn năm, nếu độ người nữ thì mất bớt năm trăm năm. Nên ngài ra phép tu Bát Kính thì lại còn đủ một ngàn năm. Về sau thời tượng pháp cũng một ngàn năm và thời mạt pháp thì mười ngàn năm. Năm ngàn năm đầu thì có người học tam đạt trí và chứng được bốn quả, ngàn năm thứ sáu trở đi thì dù có học cũng không chứng đạo. Sau mười ngàn năm thì kinh điển văn tự tự nhiên mất hết chỉ còn thấy người cạo đầu và mặc áo ca-sa mà thôi. Đời Chánh pháp thì chất vị đạo pháp thuần là Đại thừa, đến đời Tượng pháp thì chất vị đạm bạc dần. Ngày đời Mạt pháp thì không còn pháp Đại thừa nữa, đám nô tỳ đi xuất gia làm hoen ố tịnh hạnh. Vua dữ trị đời, đóng thuế Tăng Ni. Nay thì chưa như thế. Do vì chánh và tượng pháp chưa cách xa lắm, Tam bảo vẫn còn có Đại thừa hưng thịnh khắp nơi, thì đâu thể nói đã thuộc đời Mạt pháp ư?

- Nay căn cứ ngày các kinh Phổ Diệu Bản Hạnh... và tra xét lại các sử nước Lỗ, chỉ xin nêu ra một góc cạnh nhỏ, kính nhường lại các bậc hiền triết sau này để tuyên bày Thánh tích đã khéo léo quyền biến thác sinh. Ngày mồng tám tháng tư năm Quý Tỵ ngày thời Trang Vương thứ chín, Đức Phật hiện hình voi trắng từ cung trời Đâu-suất giáng thân ngày hông phải của đệ nhất phu nhân hoàng hậu Ma-gia của vua Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la, nước Trung Thiên Trúc. Lúc bảy giờ chừ Thiên ngậm bảo vệ thai tàng rất kín đáo, người thế gian khó biết. Ngày đêm mồng tám tháng hai nhằm tiết Trọng xuân năm thứ mười, lúc các quỷ thần hội họp, thì ở khu vườn Lâm-tỳ dưới cây Ba-la, Đức Phật sinh ra một từ hông phải, việc sinh ra một đã rõ ràng nên trong kinh Phổ Diệu nói rằng: Phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tam thiên thế giới. Tức là trong Tả truyện nói: “ Không còn thấy sao Hằng xuất hiện chiếu sáng giữa đêm khuya”. Trong kinh Thụy Ứng nói rằng: “Sao Phát hiện xuống hầu thái tử sinh ra”, cho nên trong Tả truyện kể việc các sao sa xuống như mưa. Trong kinh Bản Hạnh nói: trên hư không chẳng có mây mà mưa lớn tự nhiên ào xuống. Đổ thị chú giải rằng lúc đó không có mây, Tả truyện thì bảo cũng đều có mưa. Nhưng theo lịch của Cơ Chu thì tháng mười một làm chính, mà nói tháng tư thì tức là ngày mồng năm tháng hai năm Tân Mão, vậy sử nước Lỗ là sai. Ngài Sa-môn Đạo An soạn ra hai thứ luận và kinh, dùng lịch Cơ Chu suy ra thì hợp ngày mồng tám. Ngày sinh và ngày thành đạo cùng là ngày mồng tám nhưng chỉ cách nhau ba mươi năm. Đến niên hiệu Hy Vương nguyên niên, năm Canh Tý, lúc Phật bảy tuổi, ngài ngồi xe dê đến trường học. Đến năm Quý Mão (Hy Vương năm thứ tư), lúc ngài mười tuổi thì đã cùng các bạn đồng học thuộc dòng họ Thích tranh tài. Lúc ngài mười bốn tuổi,

nhằm năm Đinh Mùi thời huệ Vương năm thứ ba, ngài xin phép vua cha đi dạo chơi bốn cửa thành. Khi đến cửa thành phía đông gặp một người bệnh, ngài bèn trở về. Năm huệ Vương thứ sáu, ngày năm Canh Tuất, lúc mười bảy tuổi, ngài cưới Công chúa tên Cầu Di. Năm huệ Vương thứ tám, năm Nhâm Tý lúc ngài lên mười chín tuổi, ngày nửa đêm ngày mồng tám tháng tư ngài vượt thành xuất gia.

- Kinh Thập Nhị Du nói rằng: Phật xuất gia năm hai mươi tuổi. Kinh Tăng Nhất A-hàm quyển hai mươi bốn thì nói ngài xuất gia năm hai mươi chín tuổi, xuất gia vì muốn hóa độ mọi người. Lại nói: Năm hai mươi tuổi, ngài học với ngoại đạo. Kinh Trường A-hàm cũng nói: Ngài xuất gia năm hai mươi chín tuổi. Nhưng suy ra cả đời Như Lai chỉ sống có bảy mươi chín năm. Nếu năm hai mươi chín tuổi xuất gia, năm ba mươi lăm tuổi thành đạo, thì suốt cuộc đời thuyết pháp độ sinh của ngài chỉ có bốn mươi lăm năm. Nhưng trong kinh Thiên Yếu có nói: Đức Thích-ca trọn đời giáo hóa chúng sinh suốt bốn mươi chín năm. Các kinh phần lớn đều nói là Phật xuất gia lúc mười chín tuổi. Nay lấy đây làm đúng. Nếu lấy hai mươi chín tuổi xuất gia, năm ba mươi lăm tuổi thành đạo thì ít có kinh nói. Và lại nếu lấy hai mươi năm theo học với ngoại đạo thì phải năm mươi tuổi mới thành đạo. Do đó mà biết là sai. Năm Phật ba mươi tuổi, ngày năm Quý Hợi, thời huệ Vương thứ mười chín, ngày mồng tám tháng hai khi sao mai vừa xuất hiện thì ngài bừng sáng giác ngộ thành đạo Vô thượng.

Trong kinh Bát-nê-hoàn, quyển hạ. Đức Phật bảo A-nan rằng: Từ khi ta thành đạo đến nay cũng được bốn mươi chín năm. Phật rất khó gặp vì phải một ức bốn ngàn vạn năm nữa mới có Đức Phật Di-lặc. Trong Thiên Yếu nói rằng: Như Lai thành đạo suốt bốn mươi chín năm cùng một chất vị. Kinh Trường A-hàm quyển năm nói rằng: Phật bảo Tu-bạt: Ta thành Phật đến nay đã được năm mươi năm rồi.

- Suốt bốn mươi chín năm ngài châu thế gian cùng hàng Trời, Người, Rồng, Thần thuyết pháp giáo hóa khiến ai nấy đều được giải thoát và chứng được bốn quả. Đám người không tin đối nghịch cũng nhiều như cát sông Hằng, mà số kẻ lìa khỏi ba đường dữ sinh làm trời người cũng đông không kể xiết. Khi cảm duyên của chúng sinh đã hết, giữa khuya ngày rằm tháng hai nhằm năm Nhâm Tý, vua Khuông Vương năm thứ tư, Đức Phật nhập Niết-bàn tại thành Câu-thi-na ở Trung Thiên Trúc. Từ đó đến bây giờ là năm Đinh Ty, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy thì đã cách 1250 năm, khi cặp mắt sáng của thế gian đã tắt.

Kinh Niết-bàn và luật Thiện Kiến đều nói đó là ngày rằm tháng

hai. Nhưng kinh Bồ-tát Xử Thai lại nói: Phật nhập Niết-bàn ngày tám tháng hai. Lại nói rằng: lúc sinh ra, khi chứng đạo và nhập Niết-bàn đều là ngày tám tháng tư. Các bậc Tiên đức và hàng dịch giả từ xưa đều nói đáng lẽ ngày tháng hai. Vì sao? Vì từ thành Vương xá cách kinh thành nước Câu-di khoảng ba ngàn dặm. Sau khi Đức Phật diệt độ bảy ngày thì các đệ tử mới trà-tỳ (thiêu) rồi phân tán. Ngài Ca-diếp mới đi về thành Vương xá trước mùa Hạ để an cư mà kết tập các pháp tạng. Ngài đem cả đại chúng dù ngu hay trí đều cùng đến thành Vương xá, sau đó mới kiểm tra và chọn lựa người giỏi. Không chấp nhận là phải đến ngay trong ngày ấy. Nhưng các kinh khác đều nói là cùng đến ngay trong đêm Phật nhập Niết-bàn. Chỉ có luật Thiện Kiến là riêng nói là lúc trời vừa sáng. Kinh giải thích về lúc nhập Niết-bàn nó biểu thị một ý nghĩa lớn về Phật Nhật (mặt trời Phật) hiện ra với chúng sinh. Nếu nhập Niết-bàn ngày khoảng đầu đêm lúc trời chưa bắt đầu sáng là biểu thị Đức Phật sau còn lâu lắm mới ra đời. Nếu nhập diệt lúc nửa đêm thì việc xuất hiện Phật sau sẽ ở mức trung bình. Còn nhập diệt ngày lúc cuối đêm gần sáng, thì không bao lâu nữa Đức Phật sau sẽ ra đời. Đức Di-lặc sẽ ra đời khoảng một ức năm sau, lại không phải ở kiếp khác. Vậy thời gian nhập diệt ngày giữa đêm là đúng.

- Trong Dục Vương truyện nói rằng: Sau khi Phật nhập Niết-bàn được một trăm mười sáu năm, ở cõi Diêm-phù-đề có đức vua tên là A-du-già, đi sang phía đông nước Thiên Trúc trị vì thành Hoa thị, ra lệnh thu lấy xá-lợi Phật đem phân bố thờ phượng khắp tám vạn bốn ngàn bảo tháp bao quanh khắp cõi Diêm-phù-đề. Nói tóm tắt là muốn truyền bá khắp cõi Thiên Trúc, và cả nước thành Chân Đan, tả hữu Gian Hán, Đông Tây Quan, Lũng, tất cả mọi nơi đều có. Lúc đó là năm Đinh Mùi ở đời Châu Kính Vương thứ hai mươi sáu. Từ đời Võ Vương cho đến Nãn gồm có ba trăm mười chín đời vua trải suốt tám trăm tám mươi bốn năm, đóng đô ở đất Phong và ấp Cảo lạc. Lập ra lịch nhà Chu cho dân dùng khắp nơi. Cho đến Doanh Chiêu Tương Vương tên Lập ngày năm năm mươi hai thì diệt nhà Chu, xưng là Tần, đổi tên Cảo Kinh thành ra Hàm Dương, nhưng vẫn giữ làm kinh đô. Đến đời vua thứ tư Tần Thủy Hoàng đế tên Chánh, năm thứ hai mươi sáu bèn diệt tan sáu nước, năm thứ hai mươi bảy phế bỏ chín châu, phân thiên hạ ra làm ba mươi sáu quận. Đến năm thứ ba mươi bốn thì tất cả sách vở kinh điển đều bị đốt sạch, chỉ trừ sách thuốc là không đốt, còn thì tất cả đều thành tro. Do đó mà Thánh giáo và các Linh tích ở đời Chu và việc vua A-dục xây dựng tháp Xá-lợi, các truyện ký ghi chép đều bị đốt sạch không

biết dựa ngày đầu.

Lại thời Tần Thủy Hoàng có các Sa-môn Thích Lợi Phòng... cả thầy mười tám Hiền giả, đem kinh đến giáo hóa, nhưng Tần Thủy Hoàng không cho, bèn bắt giam đày Lợi Phòng... Đêm đến, có sáu vị mang gậy Kim Cang đến phá ngục thả ra. Tần Thủy Hoàng sợ hãi cúi đầu tạ lỗi. Đến đời vua thứ tư năm thứ bốn mươi chín Tần bị nhà Hán diệt. Bắt đầu năm đầu tiên của Chu Võ Vương là năm Kỷ nảo và đời Tần Nhị Thế chấm dứt ngày năm Giáp Ngọ. Trong khoảng thời gian đó chín trăm ba mươi ba năm có bốn mươi hai vua. Đời Chu có mười sáu vua trong bốn trăm năm mươi ba năm. Khi chưa có tiếng gọi Phật thì không ghi chép. Cho đến từ thời Chu Trang Vương thì Như Lai ra đời. Từ đó cho đến đời Hán mới có ghi chép các niên lịch. Gồm cả hai mươi sáu đời vua trong bốn trăm tám mươi một năm ghi chép gộp lại gọi là Sử đời Chu Tần, nói về việc giáo pháp của Phật được truyền sang Đông Độ.

A. CÁC ĐỜI VUA TẠI VỊ:

- I. CHU TRANG VƯƠNG:** Làm vua mười lăm năm (696 - 682).
 Nay chỉ lấy sáu năm ghi ngày Sử lục: Phật ra đời (năm 687 trước CN)
 Chu Hy vương: Làm vua năm năm (681 - 677)
 Chu Huệ vương: Làm vua hai mươi lăm năm (676 - 652)
 Chu Tương vương: Làm vua ba mươi ba năm (651 - 619)
 Chu Khoảnh vương: Làm vua sáu năm (618 - 613)
 Chu Khuông làm vua sáu năm (612-607): Phật nhập Niết-bàn ngày 8 tháng 2 năm Khuông Vương thứ tư (609 trước CN)
 Chu Định vương: Làm vua hai mươi một năm (606 - 586)
 Chu Giản vương: Làm vua mười bốn năm (585 - 572)
 Chu Linh vương: Làm vua hai mươi bảy năm (571-545)
 Chu Cảnh vương: Làm vua hai mươi lăm năm (544-520)
 Chu Kính vương: Làm vua bốn mươi ba năm. Năm thứ hai mươi sáu thì vua A-dục khởi xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp (494 trước CN)
 Chu Nguyên vương: Làm vua tám năm (475-469 = 7 năm) Chu
 Trinh Định vương: Làm vua hai mươi tám năm (468 - 441) Chu
 Hiếu vương: Làm vua mười lăm năm (440 -426)
 Chu Oai Liệt vương: Làm vua hai mươi bốn năm.
 Chu Nguyên An vương: Làm vua hai mươi sáu năm.
 Chu Di Liệt vương: Làm vua bảy năm.
 Chu Hiến Thánh vương: Làm vua bốn mươi tám năm.

Chu Thuận Tĩnh vương: Làm vua sáu năm.

Chu Nản vương: Làm vua năm mươi chín năm.

II. TÂN CHIÊU TƯƠNG VƯƠNG: Làm vua năm năm.

Tân Hiếu Văn vương: Làm vua một năm.

Tân Trang Tương vương: Làm vua ba năm.

Tân Thủy Hoàng đế: Làm vua ba mươi bảy năm.

Tân Nhị Thế Hoàng đế: Làm vua ba năm.

B. CÁC SỰ KIỆN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHẬT PHÁP:

I. ĐỜI CHU:

Năm Giáp Ngọ, đời Chu Trang vương tên Tha, năm thứ 10 ngày 08 Tháng 2 (687 trước CN), Đức Thích-ca Như Lai giảng thần thác sinh ngày cung vua Tịnh Phạn, thành Ca-tỳ-la, nước Trung Thiên Trúc. Lúc đó phóng quang chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới đều sáng rực rỡ. Tức là Tả truyện Lỗ Xuân Thu bảo là “Đêm ấy sao Hằng không thấy hiện ra chiếu sáng vậy”.

Năm Ất Mùi, năm thứ mười một.

Năm Bính Thân, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Dậu, năm thứ mười ba.

Năm Mậu Tuất, năm thứ mười bốn.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ mười lăm.

Năm Canh Tý, đời Hy Trang vương tên Hô Tề, năm thứ nhất, kinh Phổ Diệu quyển thứ ba nói rằng: Thái tử Tất-đạt-đa bảy tuổi, ngồi xe dê đến trường học với thầy tên là Tuyền Hữu (tức năm 681 trước CN).

Năm Tân Sửu, năm thứ hai.

Năm Nhâm Dần, năm thứ ba.

Năm Quý Mão, năm thứ tư (678). Kinh Hiện Tại Nhân Quả nói rằng: Khi Thái tử Tất-đạt-đa mười tuổi, ngài cùng các bạn đồng học đồng tuổi thuộc dòng họ Thích khoảng năm trăm người cùng thi đấu, tức năm này (678 trước CN).

Năm Giáp Thìn, năm thứ năm.

Năm Ất Tỵ, năm đầu, đời Chu Huệ vương, tên Lãng. Phật mười hai tuổi.

Năm Bính Ngọ, năm thứ hai.

Năm Đinh Mùi, năm thứ ba. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi, quyển Thượng nói rằng: Thái tử tuổi đã mười bốn, xin phép vua cha ra ngoài thành dạo chơi. Khi đến cửa thành phía Đông thì gặp một người bệnh

liền trở về.

Năm Mậu Thân, năm thứ tư.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ năm.

Năm Canh Tuất, năm thứ sáu. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi quyển Thượng nói rằng: Thái tử đã mười bảy tuổi, vua cưới vợ cho tên là Cầu-di.

Năm Tân Hợi, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Tý, năm thứ tám. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi quyển Thượng nói rằng: Thái tử tuổi đã mười chín, ngày tám tháng tư, nửa đêm Chư Thiên ở trong cửa sổ khoanh tay thưa: “ đã đến giờ nên đi!” thái tử liền cho ngựa ra đi. Nói giống với kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả.

Năm Quý Sửu, năm thứ chín.

Năm Giáp Dần, năm thứ mười.

Năm Ất Mão, năm thứ mười một.

Năm Bính Thìn, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Ty, năm thứ mười ba.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ mười bốn.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ mười lăm.

Năm Canh Thân, năm thứ mười sáu.

Năm Tân Dậu, năm thứ mười bảy.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ mười tám. Kinh Phật Bốn Hạnh Tập nói rằng: Bồ-tát sau sáu năm tu khổ hạnh đã ngày, ngày mùa Xuân, ngày mười sáu tháng hai, ngài tự nghĩ: Cần phải ăn uống đầy đủ thì mới chứng quả Bồ-đề. Chư Thiên liền hóa ra hai thiếu nữ nấu mười sáu phần cháo sữa đem đến cúng thí. Đến buổi sáng ngày 23 tháng 2 ngài tự đi khát thực.

Năm Quý Hợi, năm thứ mười chín. Phật mới thành đạo. Kinh Phổ Diệu quyển sáu nói: Khi sao Mai mới mọc Bồ-tát liền hoá nhiên đại ngộ. Kinh lại nói: Mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, công thành chí thỏa, tất cả đều thấu suốt, kinh Thập Nhị Du nói rằng: Đức Phật từ mồng tám tháng tư đến rằm tháng bảy ngồi dưới gốc cây xem như một năm.

Năm Giáp Tý, năm thứ hai mươi. Sang năm thứ hai đến vườn Lộc giả nói pháp độ các thầy A-nhã-câu-lân... luật Di-sa-tắc quyển hai mươi mốt nói rằng: Đức Phật nghĩ nhớ muốn nói pháp cho ông Uất-đầu-lam-phất. Nhưng chư Thiên thưa rằng: “Ông vừa mới mạng chung ngày hôm qua”.

Năm Ất Sửu, năm thứ hai mươi mốt. Sang năm thứ ba, Đức Phật nói pháp cho ba anh em ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, cùng độ các đệ tử của họ gồm cả ngàn Tỳ-kheo.

Năm Bính Dần, năm thứ hai mươi hai. Sang năm thứ tư, ở trên đỉnh núi Già-da, Đức Phật nói pháp cho các loài rồng, quỷ, tức là núi Tượng đầu.

Năm Đinh Mão, năm thứ hai mươi ba. Đến năm thứ năm, Xá-lợi-phất đang tu theo đạo Bà-la-môn, gặp đệ tử Phật là ngài Tỳ-kheo Mã Thắng liền hỏi: Thầy theo đạo nào? Đáp: Tôi là đệ tử của Đức Phật và nói kệ pháp cho nghe, Xá-lợi-phất liền chứng được Sơ quả”.

Ngài Xá-lợi-phất trở về rủ ngài Mục-liên cùng đến chỗ Phật. Ngài Xá-lợi-phất là bậc Thượng trí nên vừa trải qua bảy ngày học với Phật liền chứng quả A-la-hán, còn ngài Mục-liên thì phải mười lăm ngày mới đắc quả.

Năm Mậu Thìn, năm thứ hai mươi bốn. Sang năm thứ sáu, ông trưởng giả Tu-đạt và thái tử Kỳ-đà, cùng xây dựng tinh xá mười hai ngôi chùa (phù đồ) bảy mươi hai giảng đường, ba ngàn sáu trăm gian phòng và năm trăm lầu gác cho chư Tăng. Đền do Tu-đạt làm, Thái tử Kỳ-đà chỉ xây dựng cổng ngày và lầu, phòng...

Năm Kỷ Ty, năm thứ hai mươi lăm. Sang năm thứ bảy, tại vườn Câu-da-ni, Đức Phật nói kinh Bát Chu cho nhóm Bồ-tát Bà-đà-hòa cả thấy tám vị.

Năm Canh Ngọ, năm đầu đời vua Chu Tương Vương, tên Trịnh. Đó là năm thứ tám sau ngày thành đạo, Đức Phật châu núi Liễu sơn, nói pháp cho vương đệ là Thuần Chân-đà-la, vị này chứng đạo. Năm ấy Phật ba mươi bảy tuổi.

Năm Tân Mùi, năm thứ hai. Sang năm thứ chín, tại vùng Uế trạch, Đức Phật nói pháp độ A-quật ma.

Năm Nhâm Thân, năm thứ ba. Sang năm thứ mười, Đức Phật trở về nước Ma-kiệt-đề, nói pháp độ vua Phất-sa.

Năm Quý Dậu, năm thứ tư. Tức năm mười một sau khi thành đạo, Đức Phật ở dưới gốc cây Khủng bố, nói kinh Bốn Khởi cho ngài Di-lặc, tức kinh Tu Hạnh Bốn Khởi...

Năm Giáp Tuất, năm thứ năm. Tức năm thứ mười hai, Đức Phật trở về bốn quốc nói pháp độ cho tám vạn bốn ngàn người họ Thích đều được chứng quả Tu-đà-hoàn, kinh Thập Nhị Du nói như thế. Còn kinh Phổ Diệu quyển tám nói rằng: Vua cha sai Phạm chí tên Ưu-đà đến thỉnh Phật trở về nước. Vì từ lúc Phật thành đạo tự xưng là bậc Giác ngộ

đến nay cách biệt đã mười hai năm, vua rất nhớ thương muốn gặp mặt.

Năm Ất Hợi, năm thứ sáu.

Năm Bính Tý, năm thứ bảy.

Năm Đinh Sửu, năm thứ tám.

Năm Mậu Dần, năm thứ chín. Kinh Đại Tập quyển một nói rằng: Đức Như Lai thành đạo mới mười sáu năm, rõ biết các Bồ-tát có thể gánh vác thọ trì Pháp tạng Đại thừa, liền châu Trung gian Đại bảo phường giữa hai cõi Dục và Sắc mà nói kinh Đại Tập.

Năm Kỷ Mão, năm thứ mười.

Năm Canh Thìn, năm thứ mười một.

Năm Tân Ty, năm thứ mười hai.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ mười ba.

Năm Quý Mùi, năm thứ mười bốn.

Năm Giáp Thân, năm thứ mười lăm.

Năm Ất Dậu, năm thứ mười sáu.

Năm Bính Tuất, năm thứ mười bảy.

Năm Đinh Hợi, năm thứ mười tám.

Năm Mậu Tý, năm thứ mười chín.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ hai mươi.

Năm Canh Dần, năm thứ hai mươi một.

Năm Tân Mão, năm thứ hai mươi hai.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ hai mươi ba.

Năm Quý Ty, năm thứ hai mươi bốn.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ hai mươi lăm.

Năm Ất Mùi, năm thứ hai mươi sáu.

Năm Bính Thân, năm thứ hai mươi bảy.

Năm Đinh Dậu, năm thứ hai mươi tám.

Năm Mậu Tuất, năm thứ hai mươi chín.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ ba mươi.

Năm Canh Tý, năm thứ ba mươi một.

Năm Tân Sửu, năm thứ ba mươi hai.

Năm Nhâm Dần, năm thứ ba mươi ba.

Năm Quý Mão, năm đầu đời vua Chu Khoảnh Vương tên Thần.

Năm ấy Phật đã bảy mươi tuổi (Phật lịch: 70)

Năm Giáp Thìn, năm thứ hai.

Năm Ất Ty, năm thứ ba.

Năm Bính Ngọ, năm thứ tư.

Năm Đinh Mùi, năm thứ năm.

Năm Mậu Thân, năm thứ sáu.

Năm Kỷ Dậu, năm đầu đời Chu Khuông Vương, tên Ban. Phật được bảy mươi sáu tuổi.

Năm Canh Tuất, năm thứ hai.

Năm Tân Hợi, năm thứ ba.

Năm Nhâm Tý, năm thứ tư. Đức Phật đã bảy mươi chín tuổi ngày năm thứ tư đời Chu Khuông Vương, ngày lúc cuối đêm ngày rằm tháng hai, tại khu đất Lực sĩ sinh, thành Câu-thi-na nước Trung Thiên Trúc, giữa khoảng rừng cây Ta-la song thọ, Đức Phật đã nhập Niết-bàn.

Năm Quý Sửu, năm thứ năm.

Năm Giáp Dần, năm thứ sáu.

Năm Ất Mão, năm đầu đời Chu Định Vương tên Du, Đức Phật nhập Niết-bàn đã được bốn năm.

Năm Bính Thìn, năm thứ hai.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ ba.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ tư.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ năm.

Năm Canh Thân, năm thứ sáu.

Năm Tân Dậu, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ tám.

Năm Quý Hợi, năm thứ chín.

Năm Giáp Tý, năm thứ mười.

Năm Ất Sửu, năm thứ mười một.

Năm Bính Dần, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Mão, năm thứ mười ba.

Năm Mậu Thìn, năm thứ mười bốn.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười lăm.

Năm Canh Ngọ, năm thứ mười sáu.

Năm Tân Mùi, năm thứ mười bảy.

Năm Nhâm Thân, năm thứ mười tám. Như Lai diệt độ đã hơn hai mươi năm. Ngài Trưởng lão Ca-diếp giữ gìn Dật Tạng (Luật tạng?) Phó chúc lại cho ngài A-nan, sau đó mới nhập diệt. Trích trong Tượng Pháp Chánh Ký.

Năm Quý Dậu, năm thứ mười chín.

Năm Giáp Tuất, năm thứ hai mươi.

Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi một.

Năm Bính Tý, năm đầu đời Chu Giản Vương tên Di. Đức Phật nhập Niết-bàn đã được hai mươi lăm năm.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai.

Năm Mậu Dần, năm thứ ba.

Năm Kỷ Mão, năm thứ tư.

Năm Canh Thìn, năm thứ năm.

Năm Tân Ty, năm thứ sáu.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ bảy.

Năm Quý Mùi, năm thứ tám.

Năm Giáp Thân, năm thứ chín.

Năm Ất Dậu, năm thứ mười.

Năm Bính Tuất, năm thứ mười một.

Năm Đinh Hợi, năm thứ mười hai.

Năm Mậu Tý, năm thứ mười ba.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ mười bốn.

Năm Canh Dần, năm đầu đời Chu Linh Vương tên Tiết Tâm. Đức Phật nhập Niết-bàn đã được ba mươi chín năm.

Năm Tân Mão, năm thứ hai.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ ba. Ngài Ca-diếp đã diệt độ được hai mươi năm. Ngài A-nan giữ gìn Pháp tạng. Về sau phó chúc cho ngài Mạt-điền-địa, rồi mới nhập diệt. Cũng trích từ Tượng Pháp Chánh Ký.

Năm Quý Ty, năm thứ tư.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ năm.

Năm Ất Mùi, năm thứ sáu.

Năm Bính Thân, năm thứ bảy.

Năm Đinh Dậu, năm thứ tám.

Năm Mậu Tuất, năm thứ chín.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ mười.

Năm Canh Tý, năm thứ mười một.

Năm Tân Sửu, năm thứ mười hai.

Năm Nhâm Dần, năm thứ mười ba.

Năm Quý Mão, năm thứ mười bốn.

Năm Giáp Thìn, năm thứ mười lăm.

Năm Ất Ty, năm thứ mười sáu.

Năm Bính Ngọ, năm thứ mười bảy.

Năm Đinh Mùi, năm thứ mười tám.

Năm Mậu Thân, năm thứ mười chín.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ hai mươi.

Năm Canh Tuất, năm thứ hai mươi một. Tháng mười một, năm Canh Tý, Khổng Tử sinh ra tại nước Lỗ, là năm Lỗ Tương Công thứ hai

mười hai (tức 551 trước CN).

Năm Tân Hợi, năm thứ hai mươi hai.

Năm Nhâm Tý, năm thứ hai mươi ba. Sau khi ngài Mạt-điền-địa nhập diệt thì ngài Xá-na-bà tu giữ gìn Pháp tạng cũng hai mươi năm, rồi phó chúc cho ngài Ưu-ba-quật-đa, sau đó mới diệt độ.

Năm Quý Sửu, năm thứ hai mươi bốn.

Năm Giáp Dần, năm thứ hai mươi lăm.

Năm Ất Mão, năm thứ hai mươi sáu.

Năm Bính Thìn, năm thứ hai mươi bảy.

Năm Đinh Tỵ, năm đầu đời Chu Cảnh Vương tên Quý. Ngô vương Tử Lý Trác đến triều kiến xin xem âm nhạc nhà Châu. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được sáu mươi sáu năm.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ hai.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ ba.

Năm Canh Thân, năm thứ tư.

Năm Tân Dậu, năm thứ năm. Phổ Hàn Tuyên Tử đích thân đến dâng sách cho Thái Sử Thị.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ sáu.

Năm Quý Hợi, năm thứ bảy.

Năm Giáp Tý, năm thứ tám.

Năm Ất Sửu, năm thứ chín.

Năm Bính Dần, năm thứ mười. Đức Khổng Tử hỏi về Lễ với Lão Dam (Lão Tử).

Năm Đinh Mão, năm thứ mười một.

Năm Mậu Thìn, năm thứ mười hai.

Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười ba.

Năm Canh Ngọ, năm thứ mười bốn.

Năm Tân Mùi, năm thứ mười lăm.

Năm Nhâm Thân, năm thứ mười sáu. Sau khi ngài Xá-na-bà-tu diệt độ, thì ngài Ưu-bà-quật-đa giữ gìn Pháp tạng cũng được hai mươi năm rồi phó chúc cho ngài Đề-đa-ca, tên là Thi-la-nan-đà rồi mới diệt độ.

Năm Quý Dậu, năm thứ mười bảy.

Năm Giáp Tuất, năm thứ mười tám.

Năm Ất Hợi, năm thứ mười chín.

Năm Bính Tý, năm thứ hai mươi.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Mậu Dần, năm thứ hai mươi hai.

Năm Kỷ Mão, năm thứ hai mươi ba.
 Năm Canh Thìn, năm thứ hai mươi bốn.
 Năm Tân Ty, năm thứ hai mươi lăm.
 Năm Nhâm Ngọ, năm đầu đời Chu Kính Vương tên Chính, Phật
 nhập Niết-bàn đã được chín mươi một năm.
 Năm Quý Mùi, năm thứ hai.
 Năm Giáp Thân, năm thứ ba.
 Năm Ất Dậu, năm thứ tư.
 Năm Bính Tuất, năm thứ năm.
 Năm Đinh Hợi, năm thứ sáu.
 Năm Mậu Tý, năm thứ bảy.
 Năm Kỷ Sửu, năm thứ tám.
 Năm Canh Dần, năm thứ chín.
 Năm Tân Mão, năm thứ mười.
 Năm Nhâm Thìn, năm thứ mười một. Ngài Ưu-ba-quật-đa mất rồi
 thì ngài Thi-la-nan-đà giữ gìn Pháp tạng trải qua một trăm năm. Đây tức
 là một trăm năm đầu thứ hai. Nhưng có ngài Đề-đa-ca rất thông minh trí
 huệ nên chỉ ba ngày mà chứng được quả A-la-hán. Ngài hóa độ mười
 hai ức người đều đắc đạo.
 Năm Quý Tỵ, năm thứ mười hai.
 Năm Giáp Ngọ, năm thứ mười ba.
 Năm Ất Mùi, năm thứ mười bốn.
 Năm Bính Thân, năm thứ mười lăm.
 Năm Đinh Dậu, năm thứ mười sáu.
 Năm Mậu Tuất, năm thứ mười bảy.
 Năm Kỷ Hợi, năm thứ mười tám.
 Năm Canh Tý, năm thứ mười chín.
 Năm Tân Sửu, năm thứ hai mươi.
 Năm Nhâm Dần, năm thứ hai mươi một.
 Năm Quý Mão, năm thứ hai mươi hai. Đức Khổng Tử ra khỏi nước
 Vệ Tử Lộ làm Lý Thị Tể.
 Năm Giáp Thìn, năm thứ hai mươi ba.
 Năm Ất Ty, năm thứ hai mươi bốn. Năm này đức Khổng Tử sang
 nước Trần.
 Năm Bính Ngọ, năm thứ hai mươi lăm.
 Năm Đinh Mùi, năm thứ hai mươi sáu. A-dục Vương truyện nói
 rằng: Sau khi Phật diệt độ một trăm mười sáu năm thì vua A-dục xuất
 hiện ở nước Đông Thiên Trúc, trị vì thành Hoa thị thống lãnh cõi Diêm-

phù-đề, làm Thiết luân vương làm hưng thịnh Phật pháp, xây dựng cả tám vạn bốn ngàn Bảo tháp, là năm này (494 trước CN).

Năm Mậu Thân, năm thứ hai mươi bảy.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ hai mươi tám.

Năm Canh Tuất, năm thứ hai mươi chín.

Năm Tân Hợi, năm thứ ba mươi.

Năm Nhâm Tý, năm thứ ba mươi mốt.

Năm Quý Sửu, năm thứ ba mươi hai.

Năm Giáp Dần, năm thứ ba mươi ba.

Năm Ất Mão, năm thứ ba mươi bốn.

Năm Bính Thìn, năm thứ ba mươi lăm. Khổng Tử từ nước Trần sang nước Vệ.

Năm Đinh Ty, năm thứ ba mươi sáu. Ở nước Triệu, Khổng Tử lại san định Lục Kinh, lúc đó ngài sáu mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm đời Lỗ Ai Công thứ mười một (484 trước CN).

Năm Mậu Ngọ, năm thứ ba mươi bảy.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ ba mươi tám.

Năm Canh Thân, năm thứ ba mươi chín, tức năm thứ mười bốn đời Lỗ Ai Công ngày tháng 2 thì bắt được Kỳ lân. Cũng ngày năm này Khổng Tử dừng bút không viết sách nữa.

Năm Tân Dậu, năm thứ bốn mươi.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ bốn mươi mốt. Đức Khổng Tử tạ thế. Ngài thọ được bảy mươi ba tuổi. Kinh Xuân Thu ở phần sử nước Lỗ nói Khổng Tử ngừng bút lúc bắt được Kỳ Lân là năm Canh Thân. Kinh Xuân Thu ghi các việc suốt hai trăm bốn mươi hai năm. Các đệ tử của Khổng Tử kéo dài thêm hai năm đến lúc ngài tạ thế (479 trước CN).

Năm Quý Hợi, năm thứ bốn mươi hai.

Năm Giáp Tý, năm thứ bốn mươi ba.

Năm Ất Sửu, năm đầu đời Chu Nguyên Vương tên Nhân. Phật nhập Niết-bàn đã được một trăm ba mươi bốn năm.

Năm Bính Dần, năm thứ hai.

Năm Đinh Mão, năm thứ ba.

Năm Mậu Thìn, năm thứ tư.

Năm Kỷ Ty, năm thứ năm.

Năm Canh Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Tân Mùi, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Thân, năm thứ tám.

Năm Quý Dậu, năm đầu đời Chu Trinh Định Vương, tên Lượng.

Tả Khâu Minh viết Xuân Thu truyện ký. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được một trăm bốn mươi hai năm.

Năm Giáp Tuất, năm thứ hai.

Năm Ất Hợi, năm thứ ba.

Năm Bính Tý, năm thứ tư.

Năm Đinh Sửu, năm thứ năm.

Năm Mậu Dần, năm thứ sáu.

Năm Kỷ Mão, năm thứ bảy.

Năm Canh Thìn, năm thứ tám.

Năm Tân Ty, năm thứ chín.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ mười.

Năm Quý Mùi, năm thứ mười một.

Năm Giáp Thân, năm thứ mười hai.

Năm Ất Dậu, năm thứ mười ba.

Năm Bính Tuất, năm thứ mười bốn.

Năm Đinh Hợi, năm thứ mười lăm.

Năm Mậu Tý, năm thứ mười sáu.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ mười bảy.

Năm Canh Dần, năm thứ mười tám.

Năm Tân Mão, năm thứ mười chín.

Năm Nhâm Thìn, năm thứ hai mươi.

Năm Quý Ty, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ hai mươi hai.

Năm Ất Mùi, năm thứ hai mươi ba.

Năm Bính Thân, năm thứ hai mươi bốn.

Năm Đinh Dậu, năm thứ hai mươi lăm.

Năm Mậu Tuất, năm thứ hai mươi sáu.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ hai mươi bảy.

Năm Canh Tý, năm thứ hai mươi tám.

Năm Tân Sửu, năm đầu đời Chu Hiếu Vương tên Khôi. Phật nhập Niết-bàn đã được một trăm bảy mươi năm.

Năm Nhâm Dần, năm thứ hai.

Năm Quý Mão, năm thứ ba.

Năm Giáp Thìn, năm thứ tư.

Năm Ất Ty, năm thứ năm.

Năm Bính Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Đinh Mùi, năm thứ bảy.

Năm Mậu Thân, năm thứ tám.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ chín.
 Năm Canh Tuất, năm thứ mười.
 Năm Tân Hợi, năm thứ mười một.
 Năm Nhâm Tý, năm thứ mười hai.
 Năm Quý Sửu, năm thứ mười ba.
 Năm Giáp Dần, năm thứ mười bốn.
 Năm Ất Mão, năm thứ mười lăm.
 Năm Bính Thìn, năm đầu đời Chu Oai Liệt Vương tên Ngô. Phật nhập Niết-bàn đến nay đã một trăm tám mươi năm.
 Năm Đinh Tỵ, năm thứ hai.
 Năm Mậu Ngọ, năm thứ ba.
 Năm Kỷ Mùi, năm thứ tư.
 Năm Canh Thân, năm thứ năm.
 Năm Tân Dậu, năm thứ sáu.
 Năm Nhâm Tuất, năm thứ bảy.
 Năm Quý Hợi, năm thứ tám.
 Năm Giáp Tý, năm thứ chín.
 Năm Ất Sửu, năm thứ mười.
 Năm Bính Dần, năm thứ mười một.
 Năm Đinh Mão, năm thứ mười hai.
 Năm Mậu Thìn, năm thứ mười ba.
 Năm Kỷ Tỵ, năm thứ mười bốn.
 Năm Canh Ngọ, năm thứ mười lăm.
 Năm Tân Mùi, năm thứ mười sáu.
 Năm Nhâm Thân, năm thứ mười bảy.
 Năm Quý Dậu, năm thứ mười tám.
 Năm Giáp Tuất, năm thứ mười chín.
 Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi.
 Năm Bính Tý, năm thứ hai mươi một.
 Năm Đinh Sửu, năm thứ hai mươi hai: có việc chín Đỉnh chấn động.
 Năm Mậu Dần, năm thứ hai mươi ba.
 Năm Kỷ Mão, năm thứ hai mươi bốn: có một Bản Ngô có ba mươi mốt năm.
 Năm Canh Thìn, năm đầu đời Chu An Vương, tên Kiêu. Phật nhập Niết-bàn đến năm này đã được hai trăm mười năm.
 Năm Tân Tỵ, năm thứ hai.
 Năm Nhâm Ngọ, năm thứ ba.

Năm Quý Mùi, năm thứ tư.
 Năm Giáp Thân, năm thứ năm.
 Năm Ất Dậu, năm thứ sáu.
 Năm Bính Tuất, năm thứ bảy.
 Năm Đinh Hợi, năm thứ tám.
 Năm Mậu Tý, năm thứ chín.
 Năm Kỷ Sửu, năm thứ mười.
 Năm Canh Dần, năm thứ mười một.
 Năm Tân Mão, năm thứ mười hai.
 Năm Nhâm Thìn, năm thứ mười ba.
 Năm Quý Ty, năm thứ mười bốn.
 Năm Giáp Ngọ, năm thứ mười lăm.
 Năm Ất Mùi, năm thứ mười sáu.
 Năm Bính Thân, năm thứ mười bảy.
 Năm Đinh Dậu, năm thứ mười tám.
 Năm Mậu Tuất, năm thứ mười chín.
 Năm Kỷ Hợi, năm thứ hai mươi.
 Năm Canh Tý, năm thứ hai mươi một.
 Năm Tân Sửu, năm thứ hai mươi hai.
 Năm Nhâm Dần, năm thứ hai mươi ba.
 Năm Quý Mão, năm thứ hai mươi bốn.
 Năm Giáp Thìn, năm thứ hai mươi lăm.
 Năm Ất Ty, năm thứ hai mươi sáu.
 Năm Bính Ngọ, năm đầu đời Chu Di Liệt Vương, tên Hỷ. Đến
 năm này Phật nhập Niết-bàn được hai trăm ba mươi sáu năm.
 Năm Đinh Mùi, năm thứ hai.
 Năm Mậu Thân, năm thứ ba.
 Năm Kỷ Dậu, năm thứ tư.
 Năm Canh Tuất, năm thứ năm.
 Năm Tân Hợi, năm thứ sáu.
 Năm Nhâm Tý, năm thứ bảy.
 Năm Quý Sửu, năm đầu đời Chu Hiển Thánh Vương, tên Biển,
 Phật nhập Niết-bàn đến nay được hai trăm bốn mươi ba năm.
 Năm Giáp Dần, năm thứ hai.
 Năm Ất Mão, năm thứ ba.
 Năm Bính Thìn, năm thứ tư.
 Năm Đinh Ty, năm thứ năm.
 Năm Mậu Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ bảy.
Năm Canh Thân, năm thứ tám.
Năm Tân Dậu, năm thứ chín.
Năm Nhâm Tuất, năm thứ mười.
Năm Quý Hợi, năm thứ mười một.
Năm Giáp Tý, năm thứ mười hai.
Năm Ất Sửu, năm thứ mười ba.
Năm Bính Dần, năm thứ mười bốn.
Năm Đinh Mão, năm thứ mười lăm.
Năm Mậu Thìn, năm thứ mười sáu.
Năm Kỷ Ty, năm thứ mười bảy.
Năm Canh Ngọ, năm thứ mười tám.
Năm Tân Mùi, năm thứ mười chín.
Năm Nhâm Thân, năm thứ hai mươi.
Năm Quý Dậu, năm thứ hai mươi mốt.
Năm Giáp Tuất, năm thứ hai mươi hai.
Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi ba.
Năm Bính Tý, năm thứ hai mươi bốn.
Năm Đinh Sửu, năm thứ hai mươi lăm.
Năm Mậu Dần, năm thứ hai mươi sáu.
Năm Kỷ Mão, năm thứ hai mươi bảy.
Năm Canh Thìn, năm thứ hai mươi tám.
Năm Tân Ty, năm thứ hai mươi chín.
Năm Nhâm Ngọ, năm thứ ba mươi.
Năm Quý Mùi, năm thứ ba mươi mốt.
Năm Giáp Thân, năm thứ ba mươi hai.
Năm Ất Dậu, năm thứ ba mươi ba.
Năm Bính Tuất, năm thứ ba mươi bốn.
Năm Đinh Hợi, năm thứ ba mươi lăm.
Năm Mậu Tý, năm thứ ba mươi sáu.
Năm Kỷ Sửu, năm thứ ba mươi bảy.
Năm Canh Dần, năm thứ ba mươi tám.
Năm Tân Mão, năm thứ ba mươi chín.
Năm Nhâm Thìn, năm thứ bốn mươi.
Năm Quý Ty, năm thứ bốn mươi mốt.
Năm Giáp Ngọ, năm thứ bốn mươi hai.
Năm Ất Mùi, năm thứ bốn mươi ba.
Năm Bính Thân, năm thứ bốn mươi bốn.

Năm Đinh Dậu, năm thứ bốn mươi lăm.

Năm Mậu Tuất, năm thứ bốn mươi sáu.

Năm Kỷ Hợi, năm thứ bốn mươi bảy.

Năm Canh Tý, năm thứ bốn mươi tám.

Năm Tân Sửu, năm đầu đời Chu Thuận Tĩnh Vương, tên Định, Phật nhập Niết-bàn đến nay đã được hai trăm chín mươi một năm.

Năm Nhâm Dần, năm thứ hai.

Năm Quý Mão, năm thứ ba.

Năm Giáp Thìn, năm thứ tư.

Năm Ất Tỵ, năm thứ năm.

Năm Bính Ngọ, năm thứ sáu.

Năm Đinh Mùi, năm đầu đời Chu Năn Vương, tên Đản. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được hai trăm chín mươi bảy năm.

Năm Mậu Thân, năm thứ hai.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ ba.

Năm Canh Tuất, năm thứ tư.

Năm Tân Hợi, năm thứ năm.

Năm Nhâm Tý, năm thứ sáu.

Năm Quý Sửu, năm thứ bảy.

Năm Giáp Dần, năm thứ tám.

Năm Ất Mão, năm thứ chín.

Năm Bính Thìn, năm thứ mười.

Năm Đinh Tỵ, năm thứ mười một.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ mười hai.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ mười ba.

Năm Canh Thân, năm thứ mười bốn.

Năm Tân Dậu, năm thứ mười lăm.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ mười sáu.

Năm Quý Hợi, năm thứ mười bảy.

Năm Giáp Tý, năm thứ mười tám.

Năm Ất Sửu, năm thứ mười chín. Trong Tát-bà-đa ký nói rằng: Sau khi Phật diệt độ hơn ba trăm năm, có Bồ-tát Mã Minh sinh ở nước Đông Thiên Trúc, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, ngài xuất gia và chuyên bài bác các ngoại đạo, soạn ra bộ Luận Đại Trang Nghiêm có hơn mấy trăm bài kệ, hoằng hóa Phật giáo rất hưng thịnh, có sách truyện riêng, tính ra là ngày thời gian này (296 trước CN).

Năm Bính Dần, năm thứ hai mươi.

Năm Đinh Mão, năm thứ hai mươi một.

Năm Mậu Thìn, năm thứ hai mươi hai.
Năm Kỷ Ty, năm thứ hai mươi ba.
Năm Canh Ngọ, năm thứ hai mươi bốn.
Năm Tân Mùi, năm thứ hai mươi lăm.
Năm Nhâm Thân, năm thứ hai mươi sáu.
Năm Quý Dậu, năm thứ hai mươi bảy.
Năm Giáp Tuất, năm thứ hai mươi tám.
Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi chín.
Năm Bính Tý, năm thứ ba mươi.
Năm Đinh Sửu, năm thứ ba mươi mốt.
Năm Mậu Dần, năm thứ ba mươi hai.
Năm Kỷ Mão, năm thứ ba mươi ba.
Năm Canh Thìn, năm thứ ba mươi bốn.
Năm Tân Ty, năm thứ ba mươi lăm.
Năm Nhâm Ngọ, năm thứ ba mươi sáu.
Năm Quý Mùi, năm thứ ba mươi bảy.
Năm Giáp Thân, năm thứ ba mươi tám.
Năm Ất Dậu, năm thứ ba mươi chín.
Năm Bính Tuất, năm thứ bốn mươi.
Năm Đinh Hợi, năm thứ bốn mươi mốt.
Năm Mậu Tý, năm thứ bốn mươi hai.
Năm Kỷ Sửu, năm thứ bốn mươi ba.
Năm Canh Dần, năm thứ bốn mươi bốn.
Năm Tân Mão, năm thứ bốn mươi lăm.
Năm Nhâm Thìn, năm thứ bốn mươi sáu.
Năm Quý Ty, năm thứ bốn mươi bảy.
Năm Giáp Ngọ, năm thứ bốn mươi tám.
Năm Ất Mùi, năm thứ bốn mươi chín.
Năm Bính Thân, năm thứ năm mươi.
Năm Đinh Dậu, năm thứ năm mươi mốt.
Năm Mậu Tuất, năm thứ năm mươi hai.
Năm Kỷ Hợi, năm thứ năm mươi ba.
Năm Canh Tý, năm thứ năm mươi bốn.
Năm Tân Sửu, năm thứ năm mươi lăm.
Năm Nhâm Dần, năm thứ năm mươi sáu.
Năm Quý Mão, năm thứ năm mươi bảy.
Năm Giáp Thìn, năm thứ năm mươi tám.
Năm Ất Ty, năm thứ năm mươi chín.

II. ĐỜI TÂN:

Năm Bính Ngọ, năm đầu đời Tân Chiêu Tương Vương, tên Lạc. Năm này nhà Chu bị nhà Tần truất phế. Nản Vương ra làm kẻ thường dân. Phật nhập Niết-bàn đến nay đã được ba trăm năm mươi sáu năm.

Năm Đinh Mùi, năm thứ hai.

Năm Mậu Thân, năm thứ ba.

Năm Kỷ Dậu, năm thứ tư.

Năm Canh Tuất, năm thứ năm.

Năm Tân Hợi, năm đầu đời Tân Hiếu Văn Vương, tên Trụ. Năm này Phật nhập Niết-bàn đã được ba trăm sáu mươi một năm.

Năm Nhâm Tý, năm đầu đời Tân Trang tương Vương, tên Tử Sở, là con của Tân Hiếu Văn Vương, trị vì ba năm. Đến năm này Phật nhập Niết-bàn được ba trăm sáu mươi hai năm.

Năm Quý Sửu, năm thứ hai.

Năm Giáp Dần, năm thứ ba.

Năm Ất Mão, năm đầu của Tân Thủy Hoàng Đế, tên Chánh, là con của Tân Trang Tương Vương. Trị vì ba mươi bảy năm, Lã Bất Vi làm Thừa tướng. Đến năm này Phật nhập Niết-bàn đã được ba trăm sáu mươi lăm năm.

Năm Bính Thìn, năm thứ hai.

Năm Đinh Ty, năm thứ ba.

Năm Mậu Ngọ, năm thứ tư.

Năm Kỷ Mùi, năm thứ năm.

Năm Canh Thân, năm thứ sáu.

Năm Tân Dậu, năm thứ bảy.

Năm Nhâm Tuất, năm thứ tám, phong cho Giao Độc làm Trường tín Hầu.

Năm Quý Hợi, năm thứ chín, lột mào giết Giao Độc đày cả gia đình ở nước Thục.

Năm Giáp Tý, năm thứ mười, cất chức Thừa tướng Lã Bất Vi và đày Thái hậu ngày ở Nam cung. Sau đó vua dùng Lý Tư.

Năm Ất Sửu, năm thứ mười một, đày Lã Bất Vi về Hà nam.

Năm Bính Dần, năm thứ mười hai.

Năm Đinh Mão, năm thứ mười ba.

Năm Mậu Thìn, năm thứ mười bốn.

Năm Kỷ Ty, năm thứ mười lăm.

Năm Canh Ngọ, năm thứ mười sáu.

Năm Tân Mùi, năm thứ mười bảy, năm này diệt nước Hàn lấy đất

làm quận Dĩnh xuyên

Năm Nhâm Thân, năm thứ mười tám.

Năm Quý Dậu, năm thứ mười chín.

Năm Giáp Tuất, năm thứ hai mươi.

Năm Ất Hợi, năm thứ hai mươi mốt.

Năm Bính Tý, năm thứ hai mươi hai. Năm này diệt ngày nước Ngụy, lấy đất đó làm quận Lương.

Năm Đinh Sửu, năm thứ hai mươi ba.

Năm Mậu Dần, năm thứ hai mươi bốn. Năm này diệt nước Sở. Bình định đất Giang đông, đặt thành quận Cối khe (Cối kê).

Năm Kỷ Mão, năm thứ hai mươi lăm, năm này diệt nước Yên, lại diệt luôn nước Triệu.

Năm Canh Thìn, năm thứ hai mươi sáu, năm này diệt nước Tề, gồm sáu nước thành một nước Tần. Tự xưng là Hoàng đế, sửa đổi chính trị, lấy ngày Kiến Hợi là ngày Tết đầu năm.

Năm Tân Ty, năm thứ hai mươi bảy. Gọi sông là Đức Thủy, gọi dân đen là Kiềm Thủ. Phân cả thiên hạ ra làm ba mươi sáu quận, cùng dùng một loại văn tự, phép tắc.

Năm Nhâm Ngọ, năm thứ hai mươi tám, nhân đi tuần du phía Đông, lên núi Thái sơn ra lệnh khắc đá ghi công về việc phong chức, nhường ngôi. Bỗng gặp phải mưa to gió lớn, liền sai Từ Thị xuống biển cầu ba vị sơn thần. Bất cả ngàn người lặn xuống nước sông tứ để tìm đỉnh nhà Chu nhưng không được.

Năm Quý Mùi, năm thứ hai mươi chín.

Năm Giáp Thân, năm thứ ba mươi. Đổi thán chấp thành Gia bình. Ban đêm thường lên đi xem mọi nơi. Đến Đơn Trì gặp kẻ trộm là Võ Tử rất nghèo túng, đánh suýt chết, sau được tha.

Năm Ất Dậu, năm thứ ba mươi mốt.

Năm Bính Tuất, năm thứ ba mươi hai. Sai tướng Mông Diêm đem hai mươi vạn người đánh rợ Hồ ở phương Bắc, lấy đất Hà nam bắt xây Vạn lý trường thành.

Năm Đinh Hợi, năm thứ ba mươi ba. Từ dọc suốt theo sông cho đến Âm sơn, chia làm bốn mươi bốn huyện. Lấy sông làm ranh giới. Bắt đầu từ Lâm Thao cho đến sông Liêu.

Năm Mậu Tý, năm thứ ba mươi bốn, bắt lưu đày, trị tội hoặc hạ ngục các quan chức địa phương nào không cố giúp xây Vạn lý trường thành. Thừa tướng Lý Tư tâu xin vua đốt hết sách vở, chôn sống các nho sĩ.

Năm Kỷ Sửu, năm thứ ba mươi lăm. Năm Canh Dần, năm thứ ba mươi sáu. Năm Tân Mão, năm thứ ba mươi bảy.

Năm Nhâm Thìn, năm đầu đời Nhị Thế Hoàng Đế, tên Hồ Hợi, là con của Tần Thủy Hoàng Đế. Năm này Phật nhập Niết-bàn được bốn trăm lẻ hai năm (vua làm vua ba năm)

Năm Quý Ty, năm thứ hai.

Năm Giáp Ngọ, năm thứ ba. Tần Thủy Hoàng Đế lập cháu là Tử Anh lên làm vua được bốn mươi sáu ngày thì bị nhà Hán (Lưu Bang) tiêu diệt. Năm này Phật nhập Niết-bàn được bốn trăm lẻ bốn năm.